

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2018

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệm.

2. Ông Nguyễn Chín Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1968.

- Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1971.

Anh T và chị D đều cùng địa chỉ: Xóm 10, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30 tháng 11 năm 2017, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn anh Trần Đức T; ý kiến tại văn bản ngày 12 tháng 12 năm 2017, lời khai của bị đơn chị Trần Thị D lưu trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T kết hôn với chị Trần Thị D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21-12-1990 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, tài sản chung, nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Anh T cho rằng: Từ năm 2010, chị D kinh doanh vải, làm ăn riêng, cất giữ vốn riêng anh không đồng ý và đã góp ý nhiều lần nhưng chị D không nghe ý kiến của anh mà vẫn tự ý kinh doanh và cất giữ vốn riêng. Trong gia đình chị D là người quản lý kinh tế, nhưng tự ý cho vay riêng không được sự đồng ý của anh T, anh đã góp ý nhưng không thay đổi, chị D tiêu tán tài sản, anh yêu cầu phải thu hồi tài sản về để phát triển kinh tế chung gia đình nhưng chị D không đồng ý, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị D đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2016 (âm lịch) đến nay. Tháng 10/2016 Chị D đã làm đơn xin ly hôn anh tại UBND xã H. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với chị D.

Chị Trần Thị D cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2010, do vợ chồng bất đồng trong về kinh tế gia đình, anh T có tính gia trưởng, độc đoán, anh tự quyết định mọi vấn đề về kinh tế, không bàn bạc, coi thường chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù chị nhiều lần góp ý với anh T nhưng anh không nghe. Vì vậy chị đã tự đứng ra làm kinh tế riêng, vốn riêng của ai người đó quản lý. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài nhiều năm nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 03 năm 2016 (âm lịch) đến nay.

Nay chị xác vợ chồng không thể đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chưa đồng ý ly hôn. Chị D chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh T phải thoả thuận với chị về việc giải quyết về tài sản và công nợ.

Về con chung: Vợ chồng xác định có hai con chung là cháu Trần Thị Hồng L, sinh 1992, đã xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Trần Đức L sinh ngày 19 tháng 5 năm 2000 do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân nhau đến nay, cháu L có nguyện vọng được ở với anh T nên anh T chị D thoả thuận giao cho cháu L cho anh T nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn.

Về tài sản và nợ chung, các vấn đề khác:

- Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Chị D yêu cầu Tòa án phải giải quyết về tài sản, nợ chung giữa hai vợ chồng. Nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ chứng minh, không nộp nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà nước và các chi phí tố tụng khác. Chị đề nghị anh T phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, phải nộp các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và các chi phí tố tụng khác vì anh T là người làm đơn ly hôn chị thì chị mới đồng ý ly hôn.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn chị D, đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Đức L, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm do bất đồng trong làm ăn kinh tế, anh Thăng gia trưởng, coi thường chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được với nhau, chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh T thoả thuận với chị về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung. Nếu ly hôn chị nhất trí giao cháu Trần Đức L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử lý hôn giữa anh Trần Đức T và chị Trần Thị D.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Đức L sinh ngày 19 tháng 5 năm 2000 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Toà án không giải quyết. Chị D có quyền yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác về việc chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T kết hôn với chị Trần Thị D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã H, huyện Lý Nhân, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài đến tháng 3-2016 (âm lịch) chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân nhau đến nay. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với ý kiến của chị D, vì chị thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng không thể đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại điều Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Trần Thị Hồng L, sinh năm 1992 (trên 18 tuổi), tự lập, có gia đình riêng nên Tòa án không giải quyết. Đối với cháu Trần Đức L, sinh ngày 19-5-2000 có nguyện vọng được ở với bố, chị D nhất trí với yêu cầu của cháu L nên giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, anh T không yêu cầu chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản và công chung: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung của vợ chồng nên Tòa án không giải quyết. Chị D có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung bằng vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Trần Thị D.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức L, sinh ngày 19-5-2000 cho anh Trần Đức T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ chung: Anh Trần Đức T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Chị Trần Thị D có quyền khởi kiện để giải quyết ở một vụ án khác về việc chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

4. Về án phí: Buộc anh Trần Đức T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 03879 ngày 01-12-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trưởng